TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 216/2020/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 12 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Lê Vũ T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp 4, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/10/2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/10/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và anh Lê Vũ T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp 4, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Yến N và anh Lê Vũ T cùng thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị Yến N và anh Lê Vũ T thống nhất xác định chị và anh có 02 con chung tên là Lê Gia A, sinh ngày 13/7/2012 và cháu Lê Nhã Q, sinh ngày 20/11/2019. Chị N và anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê Gia A,

sinh ngày 13/7/2012 và cháu Lê Nhã Q, sinh ngày 20/11/2019 cho Chị Ntiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Trần Thị Yến N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Vũ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Yến N và anh Lê Vũ T thống nhất xác định chị và anh không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng do các bên đương sự thuận tình ly hôn nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định (mỗi bên phải chịu 25%). Tức là Chị Trần Thị Yến N và anh Lê Vũ T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Chị Trần Thị Yến N tự nguyện nộp thay cho anh Lê Vũ T. Chị Trần Thị Yến N đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng, ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo biên lai thu số 0007903 được chuyển thu án phí 150.000 đồng. Hoàn lại cho chị Trần Thị Yến N số tiền 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THA huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã M;*
- *UBND thị trấn G;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

(Đã ký)

Phạm Kiều Diễm